

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

STT	Nội dung	Dự toán năm cả bổ sung	Chi hoạt động	Chi lương, PC, BH	Tổng chi ngân sách	% So sánh
A	Tổng chi ngân sách	6.667.743.000	1.186.588.000	6.423.188.768	7.599.776.768	114,0
I	Chi đầu tư phát triển	10.000.000	10.000.000		0	0,0
II	Chi thường xuyên	6.227.839.000	1.046.738.000	6.156.014.768	7.202.752.768	100,0
1	Chi sự nghiệp kinh tế	0			0	
-	Chi phòng cháy chữa cháy	0		0	0	
2	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	40.500.000	45.800.000	0	45.800.000	113,1
-	Kinh phí tổ chức chúc thọ mừng	40.500.000	45.800.000	0	45.800.000	113,1
3	Chi công tác ANTT-DQTV	23.500.000	23.500.000	0	23.500.000	100,0
-	Chi ANTT	13.500.000	13.500.000		13.500.000	100,0
-	Chi DQTV	10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,0
4	Chi sự nghiệp giáo dục	39.600.000	24.600.000	0	24.600.000	100
-	Chi hỗ trợ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	39.600.000	24.600.000	0	24.600.000	100,0
5	Chi QLNN và Đảng đoàn thể	6.124.239.000	952.838.000	6.156.014.768	7.108.852.768	116,1
-	Hội đồng nhân dân	507.447.200	140.750.000	461.302.052	602.052.052	118,6
-	Ủy ban nhân dân	2.177.555.200	363.150.000	2.046.869.902	2.410.019.902	110,7
-	Ban Công an	95.700.000	0	186.375.000	186.375.000	194,7
-	Ban Quân sự	395.575.800	135.525.000	285.189.560	420.714.560	106,4
-	Đoàn thanh niên	136.780.200	9.000.000	155.764.368	164.764.368	120,5
-	Hội Phụ nữ	167.787.000	9.000.000	193.018.680	202.018.680	120,4
-	Hội nông dân	176.837.000	9.000.000	201.609.450	210.609.450	119,1
-	Hội Cựu Chiến Binh	153.573.600	9.000.000	174.391.524	183.391.524	119,4
-	Đảng ủy	634.265.600	128.363.000	654.499.526	782.862.526	123,4
-	Mặt trận TQVN	236.439.400	50.800.000	214.468.146	265.268.146	112,2
-	SHP của cán bộ thôn	1.442.278.000	98.250.000	1.582.526.560	1.680.776.560	116,5
III	Chi dự phòng	129.850.000	129.850.000		129.850.000	100,0
IV	Nguồn KP thực hiện chính sách	193.000.000		160.120.000	160.120.000	83,0
V	Tiết kiệm chi 10% chi thường xuyên để cân đối lương	107.054.000		107.054.000	107.054.000	100,0

1,13E+08

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2024

STT	Nội dung thu	DT Thu NSNN	DT NSX hưởng	DT Thu NSNN	DT NSX hưởng	Tỷ lệ DT Thu NSNN	Tỷ lệ DT NSX hưởng
I	<u>Thu ngân sách tại địa bàn</u>	<u>2.392.000.000</u>	<u>72.500.000</u>	<u>2.997.779.699</u>	<u>82.177.829</u>	<u>125,33</u>	<u>113,35</u>
1	Thu phí, lệ phí	175.000.000	35.000.000	25.700.000	25.700.000	14,69	73,43
-	<i>Phí cơ quan TW thu</i>	140.000.000					
-	<i>Lệ phí môn bài</i>	35.000.000	35.000.000	25.700.000	25.700.000	73,43	73,43
-	<i>Phí bảo vệ môi trường</i>						
-	<i>Phí, lệ phí xã thu</i>						
-	<i>Phí khác</i>						
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000.000	15.000.000	359.603	359.603	2,40	
3	Thuế thu nhập cá nhân	300.000.000		212.939.926		70,98	
4	Thu khác ngân sách	400.000.000		31.583.772		7,90	
5	Thu từ XNQD		0				
-	<i>Thuế GTGT</i>						
-	<i>Thuế Tài nguyên</i>						
-	<i>Thuế TNDN</i>						
6	Thu từ khu vực NQD	755.000.000	0	1.118.117.464	0	148,10	
-	<i>Thuế GTGT</i>	730.000.000		1.058.646.558		145,02	
-	<i>Thuế Tài nguyên</i>						
-	<i>Thuế TNDN</i>	20.000.000		59.470.906		297,35	
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	5.000.000				0,00	
7	Lệ phí trước bạ	625.000.000	12.500.000	1.298.444.609	24.295.141	207,75	194,36
-	<i>Nhà đất</i>	25.000.000	12.500.000	48.590.276	24.295.141	194,36	194,36
-	<i>Tài sản khác</i>	600.000.000		1.249.854.333		208,31	
8	Thu tiền sử dụng đất	100.000.000	10.000.000	310.634.325	31.823.085	310,63	318,23

9	Thu tiền cho thuê đất	22.000.000					
10	Cấp quyền khai thác khoáng sản						
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.569.189.000	6.569.189.000	7.432.252.566	7.432.252.566	113,14	113,14
	Thu BSCĐ	6.269.709.000	6.269.709.000	6.296.709.000	6.296.709.000	100,43	100,43
	Thu BSCMT	299.480.000	299.480.000	1.135.543.566	1.135.543.566	379,17	379,17
III	Thu chuyển nguồn ngân sách			77.345.316	77.345.316		
IV	Thu kết dư ngân sách			8.180.000	8.180.000		
	Tổng thu	8.961.189.000	6.641.689.000	10.515.557.581	7.599.955.711	117,35	114,43

Chi hỗ trợ đại hội mặt trận 15 triệu đồng; chi hỗ trợ đại hội LHTN 10 triệu đồng; chi hỗ trợ đại hội cựu chiến binh 10 triệu đồng; chi hỗ trợ hội người cao tuổi mừng thọ 5,3 triệu đồng; chi hỗ trợ ban công an tích hợp định danh điện tử 9,1 triệu đồng; chi hỗ trợ đoàn nghệ nhân tham gia hội thi cồng chiêng tại thị trấn 7,7 triệu đồng; chi hỗ trợ đoàn nghệ nhân tham gia hội thi cồng chiêng tại huyện 22 triệu đồng; chi mua sắm dụng cụ thể thao cho học sinh và thanh thiếu niên xã 3 triệu đồng; chi sửa chữa trụ sở 13 triệu đồng; chi cho nội dung trả tiền công cắt cỏ, dọn vệ sinh đường phố, khu vực sân vận động và khu dân cư thị trấn và sân vận động thị trấn từ tháng 1 đến tháng 10/2024 số tiền 18 triệu đồng; mua xăng, nước uống cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ 19,730 triệu đồng;

15.000.000

10.000.000

7.000.000

5.300.000

9.120.000

7.700.000

22.000.000

3.000.000

sửa chữa t	13.000.000
------------	------------

hỗ trợ cải tạo	18.000.000
----------------	------------

19.730.000

129.850.000

chăm sóc cây đường đèo măng đen

chiến binh gương mẫu 7 triệu đồng, chi
120 triệu đồng, chi tổ chức hội thi công
triệu đồng, chi hỗ trợ đoàn thanh niên
đẹp chính trang đô thị từ công trào vào khu
chăm sóc cây đường đèo măng đen số tiền